

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH ĐO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH ĐO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH DO GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH DO GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107745333

**3. Ngày thành lập:** 03/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 275 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4210        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 3.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 4.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7020        |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4100(Chính) |
| 6.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5610        |
| 7.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5621        |
| 8.  | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;<br>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. | 5629        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:</li> <li>+ Các nhà máy lọc dầu,</li> <li>+ Các xưởng hoá chất,</li> <li>- Xây dựng công trình cửa như:</li> <li>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa công...</li> <li>+ Đập và đê.</li> <li>- Xây dựng đường hầm;</li> <li>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.</li> </ul>                                                                | 4290 |
| 10. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630 |
| 11. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn về nông học;</li> <li>- Tư vấn về môi trường;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7490 |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4220 |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311 |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322 |
| 17. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :</li> <li>+ Thang máy, cầu thang tự động,</li> <li>+ Các loại cửa tự động,</li> <li>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,</li> </ul>                                                                            | 4329 |
| 18. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</li> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> </ul> | 4390 |

6. **Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM HUY HOÀNG    | Khu TT công trường 8 Tổ 3, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 4,082     | 038089000095                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                               | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 4,082     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN LÂM SƠN    | Căn 2438, tòa HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 900.000    | 9.000.000.000         | 91,837    | 040082000465                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                               | Tổng số           | 900.000    | 9.000.000.000         | 91,837    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | KHUƠNG THU PHƯƠNG | Căn 2438 tòa nhà HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 4,082     | 038184003054                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                               | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 4,082     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

10. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: KHUÔNG THU PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 21/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038184003054

Ngày cấp: 09/08/2016

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Căn 2438 tòa nhà HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 1006, nhà B11B, Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội